

Bản án số: 109/2019/HSST
Ngày: 30/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Chuyên
Bà Trần Thị Đông

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Duy Khoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 114/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: NGUYỄN NGỌC S - sinh ngày 02/12/1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 9, thị trấn Quang M, huyện N, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn K và bà: Nguyễn Thị K. Vợ: Trần Thị Huyền T, có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 05/9/2018, Công an thị trấn Quang M, huyện N, Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã nộp tiền phạt).

Về nhân thân: Ngày 24/8/2011, Tòa án nhân dân quận Đống Đ, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 19 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án).

Tạm giữ từ ngày 30/3/2019 đến ngày 08/4/2019. Tạm giam từ ngày 08/4/2019. Danh, chỉ bản số 283 ngày 01/4/2019 của công an huyện Đ, Hà Nội. Có mặt.

2. Họ tên: TRỊNH VĂN T - sinh ngày 15/11/1994 tại huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trung T, xã Tiến Đ, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Không xác định được. Con bà: Trịnh Thị S. Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ từ ngày 30/3/2019 đến ngày 08/4/2019. Ngày 08/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, Cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 08/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ ra Quyết định truy nã. Ngày 27/6/2019, bị bắt truy nã và bị tạm giữ từ ngày 27/6/2019 đến ngày 03/7/2019;. Tạm giam từ ngày 03/7/2019. Danh, chỉ bản số 282 ngày 01/4/2019 của Công an huyện Đ, Hà Nội. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1980. Trú tại: Xóm T, thôn Thọ Đ, xã Kim N, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn G, sinh năm 1999. Trú tại: Thôn Thường L, xã Đại T, huyện N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

(Chị H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/3/2019, chị Lê Thị H, sinh năm 1980, trú tại: Xóm T, thôn Thọ Đ, xã Kim N, huyện Đ, Hà Nội có đơn trình báo và lời khai tại Công an huyện Đ về việc phát hiện hai đối tượng trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Wave α BKS: 29U9 - 4343 của chị tại thôn Thọ Đ, xã Kim N, huyện Đ, Hà Nội. Trị giá chiếc xe máy bị trộm cắp khoảng 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào trình báo và lời khai của chị H cùng những tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ hai đối tượng Nguyễn Ngọc S và Trịnh Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản (xe máy) của chị H.

Diễn biến hành vi phạm tội thể hiện như sau: Khoảng đầu tháng 3 năm 2019, thông qua mối quan hệ xã hội Nguyễn Ngọc S làm quen với Trịnh Văn T. Sau đó, cả hai cho nhau biết số điện thoại để liên lạc.

Khoảng 01 giờ ngày 30/3/2019, Trịnh Văn T sử dụng điện thoại liên lạc với Nguyễn Ngọc S rủ đi lên Thái Nguyên tìm mối mua ốp điện thoại về cùng nhau kinh doanh. S đồng ý, hẹn gặp nhau tại cổng C khu Công nghiệp TL thuộc thôn Sáp M, xã Võng L, huyện Đ, Hà Nội. T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave α , sơn màu đen, BKS: 29E2-24670 từ Thái Nguyên đến cổng C khu Công nghiệp TL đón S. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, T gặp S tại điểm hẹn. T giao xe máy cho S điều khiển, T ngồi phía sau. Đi được khoảng 01 km, S và T phát hiện xe sắp hết xăng nhưng không ai còn tiền nên S sử dụng điện thoại di động liên lạc với bạn để vay tiền đổ xăng nhưng không được. Khoảng 07 giờ cùng ngày, khi đi qua thôn Thọ Đ, xã Kim N, huyện Đ, Nguyễn Ngọc S nhìn thấy chiếc xe máy Honda Wave α , sơn màu xanh, BKS: 29U9-4343 của chị Lê Thị H dựng tại cuối đường, sát cánh đồng không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài và mua xăng. S dừng xe cách xe của chị H 35 m, dựng chân chống phụ, xuống xe bảo T đứng ở ngoài đợi, khi nào bảo thì đi, đồng thời hát hăm về phía chiếc xe máy Honda Wave α BKS: 29U9-4343 với ý bảo với T đứng canh giới cho S thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy của chị H. T nhìn theo hướng nhìn của S thấy cuối ngõ chỉ có chiếc xe máy của chị H, không có tài sản nào khác nên hiểu ý. T quay đầu, ngồi trên yên xe quan sát cảnh giới cho S, đồng thời sẵn sàng điều khiển xe chờ S bỏ chạy khi bị phát hiện. S đi đến gần chiếc xe máy, giả vờ ngồi xuống nhặt cỏ để quan sát, không thấy có người trông giữ xe nên S đi đến tiếp cận xe của chị H. S thấy xe không khóa cổ, không khóa càng nên lấy chìa khóa chiếc xe máy Honda Wave α của S mang theo chọc vào ổ khóa, lắc 03 lần thì mở được khóa điện. Lúc này, T vẫn ngồi trên chiếc xe máy BKS 29E2-24670 tiếp tục canh giới. Sau khi mở khóa điện, S dùng tay ra hiệu cho T chuẩn bị tẩu thoát. S dắt lùi xe khoảng 15 m rồi quay đầu, lên xe, nổ máy xe tẩu thoát theo đường ven thôn Thọ Đ về phía Ủy ban nhân dân xã Kim N,

khi đi đến vị trí T đứng cạnh giới thì T cũng tăng ga xe máy bỏ chạy theo phía sau.

Khi nghe thấy tiếng xe máy tăng ga phóng nhanh, anh Trần Văn T1, sinh năm 1980, trú tại: Thọ Đ, Kim N, Đ, Hà Nội đang đứng trong sân nhà (cách hiện trường vụ án khoảng 35 m) nhìn ra cổng thấy S và T điều khiển xe máy, trong đó có một xe BKS: 29U9-4343. Nghi ngờ chiếc xe máy của chị H (em họ anh T1) bị trộm cắp, nên anh T1 lấy xe máy đi theo đường tắt trong thôn để đón đầu, chặn S và T. Gặp S và T tại đầu đường thôn Thọ Đ, anh T1 hô hoán, T và S bỏ xe chạy về hướng đường đi Ủy ban nhân dân xã Kim N. Anh T1 cùng quần chúng nhân dân giữ được T và S, bàn giao cho Công an huyện Đ giải quyết.

Ngày 04/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Chiếc xe máy Honda Wave α, sơn màu xanh, BKS: 29U9-4343, SK: 045596, SM: 6045647 trị giá 8.500.000 đồng.

Ngoài ra, S và T còn khai trong lúc bị người dân bắt giữ đã bị một số người dân, không rõ ai, không nhớ đặc điểm và không thể nhận ra được dùng tay, chân đánh khiến S bị bầm tím ở lưng, gáy, cánh tay và lòng bàn tay phải, T bị đánh đau ở đầu, mạn sườn và bả vai.

Kết quả xác minh thương tích của Nguyễn Ngọc S tại Bệnh viện đa khoa Đ ngày 30/3/2019 xác định: Đau vai trái, căng tay phải, bàn tay phải không thấy sưng nề bầm tím. Ngực, khung chậu vững, bụng mềm, tứ chi vận động tốt. Xquang và siêu âm chưa phát hiện bất thường

Kết quả xác minh thương tích của Trịnh Văn T tại Bệnh viện đa khoa Đ ngày 30/3/2019 xác định: Đau đầu vùng thái dương bên phải, đau ngực phải, không thấy sưng nề, bầm tím; bụng mềm, tứ chi vận động tốt; Xquang và siêu âm chưa phát hiện bất thường.

S và T khai do thương tích nhẹ, đến nay sức khỏe đã ổn định nên từ chối khám thương và giám định thương tật, không đề nghị điều tra, xử lý những người đã đánh gây thương tích, không đề nghị bồi thường dân sự. Cơ quan điều tra tổ chức xác minh nhưng không xác định được những người đánh T và S nên không có căn cứ xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc S và Trịnh Văn T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Ngoài ra, Nguyễn Ngọc S còn khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 20/3/2019, S đi bộ một mình trên đường thôn Đ, xã Nam H, huyện Đ, Hà Nội nhìn thấy chiếc xe máy Yamaha Exciter, sơn màu xanh, BKS: 29Z1-465.46 của anh Bùi Văn G dựng trong ngõ, không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. S tiến đến chiếc xe máy trên, tháo và đấu tắt ở “hộp diêm ro-le” mở khóa điện xe rồi nổ máy, bỏ chạy về huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên thuê phòng nghỉ rồi tìm quán Internet, đăng nhập vào mạng xã hội Facebook giao tin bán xe máy, kèm theo số điện thoại để liên lạc. Khoảng 11 giờ ngày 21/3/2019, có một người đàn ông liên hệ với S hẹn mua xe tại địa điểm quận Hoàng M, Hà Nội. Theo chỉ dẫn, S đến địa điểm trên bán chiếc xe cho người đàn ông lạ mặt với giá 13.000.000 đồng, không viết giấy tờ gì. S không nhớ địa điểm giao xe và nhân thân lai lịch, số điện thoại người mua xe.

S khai sử dụng chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh, không nhớ số thuê bao để liên lạc bán chiếc xe máy trên. Chiếc điện thoại đã bị rơi mất, không rõ vị trí cụ thể.

Ngày 09/5/2019, anh G đến cơ quan Công an trình báo việc bị trộm cắp chiếc xe máy Yamaha Exciter BKS: 29Z1-465.46.

Ngày 27/5/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Chiếc xe máy Yamaha Exciter sơn màu xanh, SK: RLCU0610HY421746, SM: G3D4E441660 trị giá 24.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng:

- Cửa Nguyễn Ngọc S (thu giữ trong quá trình giữ người trong trường hợp khẩn cấp):

- + 01 xe máy Honda Wave α , sơn màu xanh, BKS: 29U9 – 4343.
- + 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Seiko.
- + 01 chiếc điện thoại Iphone 6s màu hồng lắp sim số 0385702842.

- Cửa Trịnh Văn T (thu giữ trong quá trình giữ người trong trường hợp khẩn cấp):

- + 01 xe máy Honda Wave α , sơn màu đen, BKS: 29E2 - 246.70.
- + 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Nibosi.

- Cửa anh Bùi Văn G (tự nguyện giao nộp):

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 013178 do Công an huyện N cấp ngày 25/4/2017, biển số: 29Z1-46546.

+ 01 Giấy bán xe do anh Bùi Xuân L (sinh năm 1996; trú tại: Thường L, Đại T, N, Hà Nội) viết bán chiếc xe máy Yamaha Exciter BKS: 29Z1-46546 cho anh G (bản photo).

- Cửa chị Lê Thị H (tự nguyện giao nộp): 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy Honda Wave α , sơn màu xanh, BKS: 29U9 – 4343 (bản photo); 01 Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị H (bản photo); 01 hóa đơn bán hàng của Trung tâm motor Tỉnh Nga; 01 Phiếu thanh toán lương của chị Lê Thị H (bản photo).

- Cửa ông Lê Văn Đ (tự nguyện giao nộp): 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS 29Z1-465.46 (bản photo); 01 Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn Đ (bản photo).

Đối với chiếc chìa khóa Nguyễn Ngọc S sử dụng mở khóa điện khi trộm cắp xe máy của chị Lê Thị H, S trình bày trên đường bỏ chạy đã bị rơi mất, không xác định cụ thể vị trí, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave α , BKS: 29U9 – 4343, đăng ký xe mang tên chị Lê Thị H; kết quả xác minh xác định là tài sản hợp pháp của chị H. Ngày 05/4/2019, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị H. Sau khi nhận lại tài sản, chị H đề nghị xử lý nghiêm đối với các bị can theo quy định pháp luật.

Đối với 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Seiko, 01 chiếc điện thoại Iphone 6s màu hồng lắp sim số 0385702842 tạm giữ của Nguyễn Ngọc S, kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của S, không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. S ủy quyền cho anh trai là Nguyễn Ngọc T (Sinh năm 1986, trú tại: Tổ 9, thị trấn Quang M, huyện N, Hà Nội) nhận lại tài sản.

Ngày 25/6/2019, Cơ quan điều tra quyết định xử lý đồ vật tài liệu đã trả cho anh Nguyễn Ngọc T tài sản trên. Anh Nguyễn Ngọc T đồng ý nhận lại tài sản thay S, cam kết bảo quản và trả lại tài sản cho S.

Đối với 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Nibosi tạm giữ của Trịnh Văn T, kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của T, không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. T ủy quyền cho bạn là chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1995; trú tại: Bãi P, Khôi K, Đại T, Thái Nguyên) nhận lại tài sản trên.

Ngày 30/7/2019, Cơ quan điều tra quyết định xử lý đồ vật tài liệu đã trả cho chị Hoàng tài sản trên. Chị Nguyễn Thị H đồng ý nhận lại tài sản, cam kết bảo quản và trả lại tài sản cho T.

Đối với 01 Giấy bán xe do anh Bùi Xuân L viết bán chiếc xe máy Yamaha Exciter BKS: 29Z1-46546 cho anh G (bản photo), chuyển theo hồ sơ vụ án phục vụ việc truy tố, xét xử.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave α , BKS: 29E2-246.70, số máy: JA39E0077504 và số khung: RLHJA390XHY077462: Kết quả tra cứu xác định người đứng tên đăng ký xe là anh Nguyễn Tuấn V (sinh năm 1987, Địa chỉ: P202, nhà 6A, Tập thể đại học Thủy L, phường Trung L, quận Đống Đ, Hà Nội). Ngày 20/6/2019, Phòng Kỹ thuật Hình sự – Công an Thành phố Hà Nội kết luận số khung: RLHJA390XHY077462 và số máy: JA39E0077504 là số nguyên thủy. Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Tuấn V khai: Khoảng tháng 5/2017, anh V mua mới chiếc xe máy Honda Wave α , sơn màu đen bạc BKS: 29E2-24670. Khoảng 23 giờ ngày 27/01/2019, anh V đi làm về, để chiếc xe máy trên tại gầm cầu thang nhà 6A, tập thể Đại học Thủy L, phường Trung L, Đống Đ, Hà Nội. Đến khoảng 6 giờ ngày 28/01/2019, anh V dậy lấy xe đi làm thì phát hiện bị trộm cắp chiếc xe máy trên nhưng không trình báo cơ quan Công an. Anh V đề nghị được nhận lại chiếc xe máy trên để sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Văn T khai: Khoảng tháng 3/2019, T vào trang “xe máy cũ Hà Nội” trên mạng xã hội Facebook thấy bài đăng về việc bán chiếc xe máy Honda Wave BKS: 29E2-24670 kèm theo số điện thoại của người bán (không nhớ số cụ thể). T gọi vào số điện thoại trên, thỏa thuận mua xe với giá 8.000.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T đến điểm hẹn trên cầu Thanh T, Hà Nội (không nhớ địa điểm cụ thể) gặp 02 thanh niên lạ mặt (không nhớ đặc điểm, nhân thân lai lịch). T xem xe và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Tuấn V (không rõ năm sinh, địa chỉ) thấy trùng khớp, hỏi hai nam thanh niên nói là xe của gia đình không sử dụng muốn bán nên thỏa thuận mua với giá 8.000.000 đồng. T giao tiền rồi nhận chiếc xe máy trên. Quá trình mua bán xe không viết giấy tờ gì. Quá trình sử dụng chiếc xe máy trên, T bị rơi mất đăng ký xe. Khi mua bán xe, T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có.

Chiếc xe máy Honda Wave α BKS: 29E2-24670 là vật chứng của vụ án Trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn Phường Trung L, quận Đống Đ, Hà Nội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Đống Đ. Ngày 25/6/2019, Cơ quan điều tra – Công an huyện Đ có Công văn đề nghị Cơ quan điều tra – Công an quận Đống Đ tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với chiếc xe máy Exciter BKS: 29Z1-46546: Kết quả xác minh, tra cứu xác định BKS: 29Z1-46546 được cấp cho chiếc xe máy Honda Wave, màu sơn: đen-bạc, SK: 3900HY146837, SM: JA39E0146851, chủ sở hữu là ông Lê Văn Đ.

Hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng chiếc xe máy và đăng ký xe trên, ông Đ không bị mất đăng ký hay biển kiểm soát xe lần nào.

Ngày 25/6/2019 Phòng Kỹ thuật Hình sự – Công an thành phố Hà Nội kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 013178, tên chủ xe: Bùi Xuân L (sinh năm 1996, địa chỉ: Thường Lệ, Đại T, N, Hà Nội), nhãn hiệu: Yamaha; màu sơn: xanh-đen-bạc; số máy 441660, số khung: 421746, BKS: 29Z1-46546, cấp ngày 25/4/2017 là chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

Tại Cơ quan điều tra, anh Bùi Văn G trình bày: Ngày 18/01/2019, anh Bùi Xuân L bán chiếc xe máy trên cho anh Bùi Văn G với giá 25.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, anh Bùi Xuân L trình bày: Khoảng tháng 10 năm 2018, anh Bùi Xuân L lên mạng Facebook vào nhóm “hội mua bán xe cũ mới Hà Nội” để tìm mua xe thì thấy có bài đăng bán chiếc xe máy Exciter đã qua sử dụng nhưng chưa đăng ký xe và hỗ trợ làm thủ tục đăng ký xe. Anh L liên hệ thỏa thuận mua xe với giá 23.000.000 đồng và cho thông tin để làm đăng ký xe. Khoảng 1 tuần sau, anh L sang địa điểm hẹn tại Cầu G, Hà Nội để mua bán xe. Anh L gặp một người đàn ông lạ mặt (không nhớ rõ đặc điểm, nhân thân lai lịch), người này giao xe máy Exciter sơn màu xanh-đen-bạc và đăng ký xe BKS: 29Z1-46546 cho anh L, kiểm tra thấy SK: 0610HY421746, SM: G3D4E441660 trùng khớp với xe nên anh giao tiền. Quá trình mua bán xe hai bên không viết giấy tờ gì, anh L không biết Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe máy trên bị làm giả. Sau đó, anh L bán chiếc xe máy trên cho anh G.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh đối tượng làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe và bán xe cho anh L nhưng không xác định được.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát: 29Z1-46546 bị làm giả, anh L và anh G không biết giấy chứng nhận đăng ký xe giả nên không phạm tội làm giả con dấu, tài liệu hoặc sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Tiến hành xác minh đối tượng làm giả giấy tờ bán xe cho anh L nhưng không xác định được.

Về phần dân sự:

Chị Lê Thị H yêu cầu Nguyễn Ngọc S và Trịnh Văn T phải bồi thường số tiền 1.830.000 đồng là chi phí sửa xe. S và T đồng ý bồi thường dân sự cho chị H.

Anh Bùi Văn G yêu cầu Nguyễn Ngọc S phải bồi thường cho anh số tiền 25.000.000 đồng tương ứng với số tiền anh G đã mua chiếc xe. S đồng ý bồi thường dân sự cho anh G.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung cáo trạng truy tố.

Tại cáo trạng số 113/VKS-HS ngày 13 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Ngọc S với mức án từ 18 đến 22 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Trịnh Văn T với mức án từ 07 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về phần dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường cho chị H 1.830.000 đồng. Buộc Nguyễn Ngọc S bồi thường cho anh G 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2} Về nội dung vụ án : Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó xác định được: Khoảng 07 giờ ngày 30/3/2019, tại thôn Thọ Đ, xã Kim N, huyện Đ, Hà Nội, Nguyễn Ngọc S và Trịnh Văn T đã có hành vi lén lút, cùng nhau trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave α, sơn màu xanh, BKS: 29U9-4343 của chị Lê Thị H, trị giá 8.500.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 21 giờ ngày 20/3/2019, tại thôn Đ, xã Nam H, huyện Đ, Hà Nội, Nguyễn Ngọc S còn có hành vi lén lút, trộm cắp chiếc xe máy Yamaha Exciter, sơn màu xanh, BKS: 29Z1-465.46 của anh Bùi Văn G, trị giá 24.000.000 đồng.

Vì vậy, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì chẳng những đã xâm phạm đến trật tự pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện Đ. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vụ án có đồng phạm nhưng không có tổ chức, vì không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án, Nguyễn Ngọc S là người đề xuất trộm cắp xe máy của chị H nên có vai trò chính, bị cáo T có vai trò giúp sức, cảnh giới cho S thực hiện hành vi trộm cắp.

{2.1} Về nhân thân và tình tiết tăng nặng:

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên. Ngoài ra, bị cáo có quá trình nhân thân xấu: đã có 01 tiền sự, 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mặc dù đã được xóa, nhưng thể hiện thái độ không chịu tu dưỡng.

Bị cáo Trịnh Văn T không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, bị cáo T bỏ trốn, gây khó khăn cho Cơ quan điều tra.

{2.2} Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại; bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

{3} Về phân bồi thường dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của chị H về số tiền sửa xe 1.830.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh G yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho anh số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo S tự nguyện nhất trí bồi thường cho anh G 25.000.000 đồng là số tiền anh G phải bỏ ra mua xe và đã bị bị cáo chiếm đoạt.

Sự tự nguyện của các bị cáo phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

{4} Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

{5} Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: **Nguyễn Ngọc S 21 (Hai mươi mốt)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: **Trịnh Văn T 09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2019, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/3/2019 đến ngày 08/4/2019.

- Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

+ Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Ngọc S bồi thường cho anh Bùi Văn G số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Ngọc S và Trịnh Văn T bồi thường cho Lê Thị H 1.830.000 đồng, ký phần của mỗi bị cáo là 915.000 đồng (Chín trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.246.000 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải bồi thường theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án xử công khai, sơ thẩm. Các bị cáo và anh G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- Những người tham gia tố tụng.
- Công an huyện Đông Anh.
- Lưu hồ sơ.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Vân